

CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC
VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH

-----& 1 &-----

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC: NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ
BẮC NINH – PHƯỜNG KIM CHÂN, TP BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

ĐỢT II NĂM 2024

Cơ quan thực hiện:

Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh

Bắc Ninh, năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
BẮC NINH

-----000-----

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG
MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC: NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ
BẮC NINH, PHƯỜNG KIM CHÂN, TP BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

ĐỢT II NĂM 2024

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH



PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG TIẾN

CƠ QUAN THỰC HIỆN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH



GIÁM ĐỐC
Trần Chung

Bắc Ninh, năm 2024

Danh sách những người tham gia thực hiện:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phan Khắc Huê	Trưởng phòng Quan trắc môi trường
2	Nguyễn Thị Diễm Hương	Trưởng phòng Phân tích môi trường
3	Nguyễn Thị Hà An	Phó trưởng phòng Phân tích môi trường
4	Phạm Thị Tuyết Mai	Phó trưởng phòng Tư vấn Kỹ thuật Môi trường
5	Đỗ Bích Huyền	Cán bộ Phòng Tư vấn Kỹ thuật Môi trường
6	Vũ Huy Nghĩa	Cán bộ Phòng Quan trắc môi trường
7	Phạm Tiến Đạt	Cán bộ Phòng Quan trắc môi trường
8	Nguyễn Hoài Lâm	Cán bộ Phòng Quan trắc môi trường
9	Nguyễn Ngọc Hải	Cán bộ Phòng Quan trắc môi trường
10	Nguyễn Hoàng Dũng	Cán bộ Phòng Phân tích môi trường

1.6. Nhà thầu phụ

- Viện KHCN năng lượng và môi trường – Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam (Vimcerts 079)

1.7. Chương trình quan trắc

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
I	Thành phần môi trường nước thải			
1	Điểm quan trắc 1	164NT1	pH, BOD ₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Mn, Fe, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Coliform.	Nước thải trước hệ thống xử lý
2	Điểm quan trắc	164NT2	Lưu lượng, Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, As, Hg, Pb, Cd, Crom (VI), Crom (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng Xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β.	Nước thải sau hệ thống xử lý

PHỤ LỤC

1. Phiếu kết quả phân tích
2. Biên bản lấy mẫu hiện trường



VIMCERTS 049

Tel:(0222)3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

Số: 2594/2024/QT164-N

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu	Nước thải
Tên khách hàng	Công ty Cổ phần thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh Địa chỉ: Số 85, Đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Vị trí lấy mẫu	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh 164NT1: Nước thải trước hệ thống xử lý
Ngày lấy mẫu	14/5/2024
Ngày phân tích	14/5/2024 - 05/6/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40: 2011/BTNMT C _{max} (A)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6 đến 9	7,3
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	SMEWW 5210B: 2023	24,3	170,8
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C: 2023	60,75	256,0
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	SMEWW 2540D: 2023	40,5	28,6
5	Asen	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,0405	<0,008* (0,0036)
6	Thủy ngân	mg/l	SMEWW 3112B: 2023	0,00405	KPH
7	Chì	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,081	KPH
8	Cadimi	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,0405	KPH
9	Đồng	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	1,62	<0,006* (0,002)
10	Kẽm	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	2,43	0,020
11	Mangan	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,405	0,185
12	Sắt	mg/l	TCVN 6177: 1996	0,81	0,547
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F: 2023	4,05	KPH
14	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638: 2000	16,2	32,5
15	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202: 2008	3,24	2,29
16	Coliform	MPN/	SMEWW 9221B: 2023	3000	45



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH
 TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 BacNinh Department of Natural Resources and Environment
 Center of natural resources and Environment Monitoring
 Địa chỉ/Add: Số 11 đường Hai Bà Trưng- P.Suối Hoa-TP.Bắc Ninh

VIMCERTS 049

Tel: (0222)3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

Số: 2594/2024/QT164-N

Ghi chú :

- + (-): Không quy định;
- + QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
 $C_{max} = C_x K_q \times K_f$ ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$);
- + KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- + (*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 6 năm 2024

CÁN BỘ PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG PTMT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Dũng

Nguyễn Thị Diễm Hương



Trần Chung





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BacNinh Department of Natural Resources and Environment

Center of natural resources and Environment Monitoring

Địa chỉ/Add: Số 11 đường Hai Bà Trưng- P.Suối Hoa-TP.Bắc Ninh

VIMCERTS 049

Tel:(0222)3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

Số: 2595/2024/QT164-N

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu	Nước thải
Tên khách hàng	Công ty Cổ phần thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh Địa chỉ: Số 85, Đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Vị trí lấy mẫu	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh 164NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý
Ngày lấy mẫu	14/5/2024
Ngày phân tích	14/5/2024 - 05/6/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40: 2011/BTNMT C _{max} (A)	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /h	SOP-QTN2.2	-	756
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B: 2023	40	28
3	Màu	Pt-Co	TCVN 6185: 2015 (phương pháp C)	50	28,2
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6 đến 9	6,9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	SMEWW 5210B: 2023	24,3	10,4
6	COD	mg/l	SMEWW 5220C: 2023	60,75	16
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	SMEWW 2540D: 2023	40,5	KPH
8	Asen	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,0405	KPH
9	Thủy ngân	mg/l	SMEWW 3112B: 2023	0,00405	KPH
10	Chì	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,081	KPH
11	Cadimi	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,0405	KPH
12	Crom (VI)	mg/l	SMEWW 3125Cr B: 2023	0,0405	KPH
13	Crom (III)	mg/l	SMEWW 3500-Cr B: 2023 SMEWW 3125B: 2023	0,162	KPH
14	Đồng	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	1,62	KPH
15	Kẽm	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	2,43	0,029
16	Niken	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,162	KPH
17	Magan	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,405	0,030
18	Sắt	mg/l	TCVN 6177: 1996	0,81	0,111



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BacNinh Department of Natural Resources and Environment

Center of natural resources and Environment Monitoring

Địa chỉ/Add: Số 11 đường Hai Bà Trưng- P.Suối Hoa-TP.Bắc Ninh

VIMCERTS 049

Tel:(0222)3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

Số: 2595/2024/QT164-N

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40: 2011/BTNMT $C_{max}(A)$	Kết quả
19	Tổng xianua	mg/l	SMEWW 4500CN- C&E: 2023	0,0567	KPH
20	Tổng phenol	mg/l	TCVN 6216: 1996	0,081	< 0,06* (0,039)
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F: 2023	4,05	KPH
22	Sunfua	mg/l	TCVN 6637: 2000	0,162	KPH
23	Florua	mg/l	US EPA Method 300.0	4,05	0,310
24	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1: 1996	4,05	KPH
25	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638: 2000	16,2	12,9
26	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202: 2008	3,24	2,27
27	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	SMEWW 4500 Cl- B: 2023	405	35,7
28	Clo dư	mg/l	TCVN 6225-3: 2011	0,81	KPH
29	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	3000	KPH
30	Tổng hoạt động phóng xạ $\alpha^{(a)}$	Bq/L	SMEWW 7110B: 2017	0,1	0,026
31	Tổng hoạt động phóng xạ $\beta^{(a)}$	Bq/L	SMEWW 7110B: 2017	1,0	0,257

Ghi chú :

+ (-): Không quy định;

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

$C_{max}=CxK_qxK_f$ ($K_q=0,9$; $K_f=0,9$);



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BacNinh Department of Natural Resources and Environment

Center of natural resources and Environment Monitoring

Địa chỉ/Add: Số 11 đường Hai Bà Trưng- P.Suối Hoa-TP.Bắc Ninh

VIMCERTS 049

Tel: (0222)3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

Số: 2595/2024/QT164-N

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

+ (°): Thông số sử dụng nhà thầu phụ - Viện KHCN năng lượng và môi trường – Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam (VIMCERTS 079).

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 6 năm 2024

CÁN BỘ PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG PTMT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Dũng

Nguyễn Thị Diễm Hương



Trần Chung





TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BacNinh Department of Natural Resources and Environment

Center of natural resources and Environment Monitoring

Địa chỉ/Add: Số 11 đường Hai Bà Trưng- P.Suối Hoa-TP.Bắc Ninh

Tel:(0222)3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

VIMCERTS 049

BIÊN BẢN QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG (MÔI TRƯỜNG NƯỚC)

Ngày lấy mẫu:

14/5/2024

Tên Công ty: Công ty Cổ phần thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh

Địa điểm: Nhà máy xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Lý do lấy mẫu:.....G.T.M.T.....

Đặc điểm thời tiết:.....Nắng.....

Nhóm quan trắc:.....Nghĩa, Đạt, Lâm, Hải.....

Thiết bị quan trắc:GPS Garmin, , máy đo đa chỉ tiêu Horiba U52, Handylab pH 11, Handylab OX 12, Thiết bị đo lưu tốc dòng nước FP211, Máy đo lưu tốc FH950 , Máy đo Ph HQ40d,Thùng bảo quản mẫu đi hiện trường và các dụng cụ lấy mẫu...

TT	Vị trí	Ký hiệu	Dạng mẫu	Lượng mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Phương pháp bảo quản	Tọa độ
1	Nước thải trước hệ thống xử lý	164NT1	Lỏng	01	Theo TCVN hiện hành,	Theo các TCVN,	2393908 562123
2	Nước thải sau hệ thống xử lý	164NT2	Lỏng	01	SOP của TT Quan trắc,...	QCVN hiện hành,...	2393890 562157

Ghi chú:

Phương pháp lấy mẫu nước: Nước thải: (TCVN 5999-1995); Nước mặt: (TCVN 5994-1995), (TCVN 6663 - 6: 2018); Nước ngầm: TVCN (6663-11:2011); Nước Mưa TCVN (5997:1995). Phương pháp bảo quản: TCVN 6663-3:2016...

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đạt
Phạm Tiên Đạt

Trưởng nhóm quan trắc
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Vũ Huy Nghĩa

Đại diện cơ sở
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Luu Xuân Phong